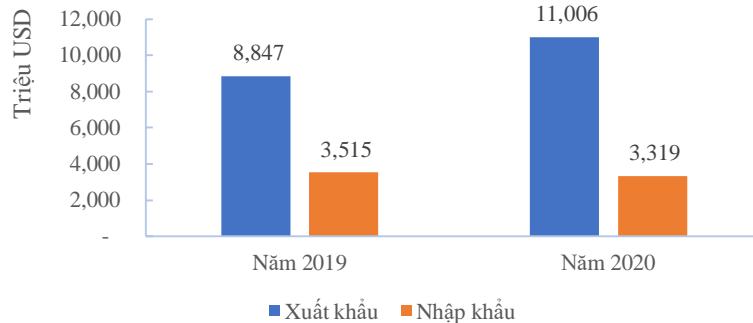


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



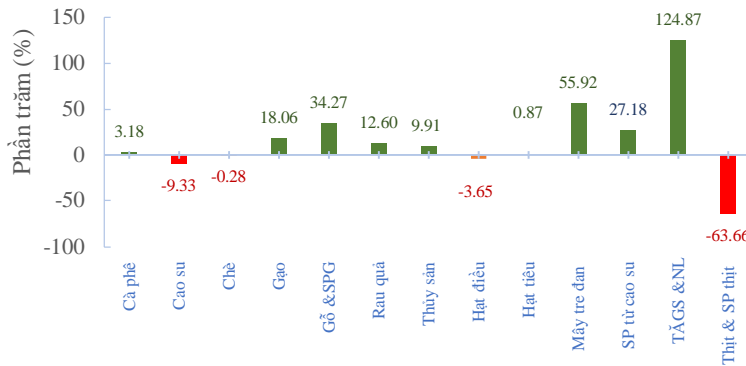
Xuất khẩu và nhập khẩu NLTS Việt Nam - Mỹ



NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ 2020/2019)

- Xuất khẩu ▲ 24,4 %
- Nhập Khẩu ▼ 5,6 %

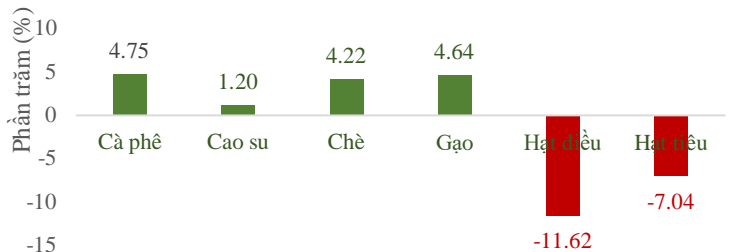
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Mỹ năm 2020/19



So sánh 2020/2019

- Cà phê ▲ 3,18%
- Cao su ▼ 9,33%
- Chè ▼ 0,28%
- Gạo ▲ 18,06%
- Gỗ và SP Gỗ ▲ 34,27%
- Rau quả ▲ 12,60%
- Thủy sản ▲ 9,91%
- Hạt điều ▼ 3,65%
- Hạt tiêu ▲ 0,87%
- Mây tre đan ▲ 55,92%
- SP từ cao su ▲ 27,18%
- TĂGS và NL ▲ 124,87%
- Thịt và SP thịt ▼ 63,66%

Biến động giá xuất khẩu BQ 2020 /2019



So sánh giá xuất khẩu BQ năm 2020/2019

- Cà phê ▲ 4,57%
- Cao su ▲ 1,20%
- Chè ▲ 4,22%
- Gạo ▲ 4,64%
- Hạt điều ▼ 11,62%
- Hạt tiêu ▼ 7,04%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Một loạt dữ liệu của Chính phủ Hoa Kỳ công bố ngày 23/12 tiếp tục cho thấy nền kinh tế hàng đầu thế giới đang chững lại khi mà số ca mắc bệnh COVID-19 tăng mạnh. Chỉ số niềm tin tiêu dùng ở Hoa Kỳ đã giảm do thu nhập cá nhân và chi tiêu giảm, trong khi doanh số bán nhà mới cũng giảm Bộ Lao động Hoa Kỳ cho biết số đơn xin trợ cấp thất nghiệp ở nước này hiện vẫn ở mức cao và trong 6 tuần vừa qua có tới 4 tuần tăng.

Theo thông báo mới nhất, Các hãng vận tải đã công bố Mức tăng cước chung (GRI) cho hàng hóa từ Châu Á đến Hoa Kỳ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2021. Dựa trên thông tin này, xin lưu ý rằng FMC yêu cầu các đơn vị giao nhận thông báo mức giá có thể tăng trước 30 ngày. Cũng xin lưu ý rằng đây là các nhà cung cấp dịch vụ đã công bố GRI và có thể được giảm nhẹ. Nếu các hãng vận tải tiếp tục thực hiện mức phí này, Scarbrough sẽ bắt đầu tính phí GRI cho tất cả hàng hóa FCL và LCL khởi hành từ các địa điểm này vào ngày 1 tháng 3 năm 2021.

Theo thống kê từ các hãng vận tải xuyên Thái Bình Dương, sản lượng nhập khẩu hàng hóa sẽ tiếp tục kéo dài qua tháng 2. Theo phân tích của Blue Alpha Capital về mười cảng hàng đầu của Hoa Kỳ ghi nhận nhập khẩu qua bờ biển phía tây trong tháng 11 tăng 24,5% lên 1.042.331 container, và thêm 26,6% số container cho các cảng ở bờ biển phía đông và vùng Vịnh lên 965.485 container.

Tổng thống Mỹ Joe Biden sắp ký hai sắc lệnh mở rộng chính sách hỗ trợ người Mỹ bị ảnh hưởng do đại dịch COVID-19. Theo đó, Sắc lệnh cũng chỉ đạo Bộ Nông nghiệp đưa ra hướng dẫn cho phép các bang mở rộng hỗ trợ lương thực cho thêm 12 triệu người và đánh giá lại cơ sở xác định các mức hỗ trợ.

Bất chấp dự báo của USDA vào đầu tháng 12 rằng thu nhập ròng từ trang trại của Hoa Kỳ sẽ đạt 119 tỷ đô la vào năm 2020, cao hơn nhiều so với mức trung bình 2000-2019 khi được điều chỉnh theo lạm phát, nông dân sẽ nhận được 13 tỷ đô la thanh toán mới theo luật này, mặc dù phần này được nhắm mục tiêu nhiều hơn thanh toán cho nông nghiệp theo các hóa đơn cứu trợ COVID trước đây. Nông dân trồng cây hàng loạt sẽ nhận được khoản thanh toán cố định 20 đô la cho mỗi mẫu Anh cho tất cả các loại cây trồng, tổng trị giá khoảng 5 tỷ đô la, và những người chăn nuôi đã phải 'tiêu hủy' đàn của họ khi các nhà máy đóng gói thịt đóng cửa hoặc hoạt động với công suất giảm trong mùa xuân sẽ nhận được một số khoản bồi thường. Các khoản thanh toán cũng sẽ được thực hiện cho những người trồng gia súc và gia cầm theo hợp đồng không được hưởng lợi từ các gói cứu trợ trước đó.

Các nhà sản xuất cây trồng đặc sản sẽ được hưởng lợi từ việc phân bổ 1,5 tỷ USD để mua hàng hóa nông nghiệp để phân phối qua các cửa hàng như ngân hàng thực phẩm, mặc dù 300 triệu USD trong số đó sẽ được chuyển cho Bộ Thương mại để xử lý việc mua các sản phẩm thủy sản. Một điều khoản riêng phân bổ 400 triệu đô la cho việc mua các sản phẩm sữa. USDA sẽ được cấp thêm 100 triệu đô la để phân phối cho các tiểu bang theo Chương trình tài trợ cho khối cây trồng đặc biệt, giúp tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu và xúc tiến cho các loại cây trồng đó, để giúp ngành điều chỉnh theo thực tế COVID-19. Đối với lĩnh vực lâm nghiệp, 200 triệu đô la sẽ được cung cấp cho các công ty khai thác và vận chuyển gỗ.

Về tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ: Hoa Kỳ vẫn là đối tác chiến lược hàng đầu của Việt Nam trong xuất khẩu NLTS. Xuất khẩu NLTS Việt Nam sang Mỹ tháng 12/2020 tiếp tục xu hướng tăng nhẹ so với tháng trước đó, xuất khẩu đạt 1,1 tỷ USD, tăng 1,89% so với tháng trước, và tăng 26,29% so với cùng kỳ năm 2019. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Mỹ là gỗ và sản phẩm gỗ (chiếm 70%), thủy sản (chiếm 12%), hạt điều (7%), các mặt hàng nông sản khác như: mây tre đan, sản phẩm từ cao su, cà phê... (khoảng 12%). So với tháng 11/2020, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, nhiều nhất là chè tăng 148%, cà phê tăng 60%, tiếp đến là cao su tăng 40%. Bên cạnh đó, một số mặt hàng có xu hướng giảm nhẹ như hàng thủy sản giảm 8% , riêng thịt và SP từ thịt giảm 57% (*chi tiết tại phụ lục*).

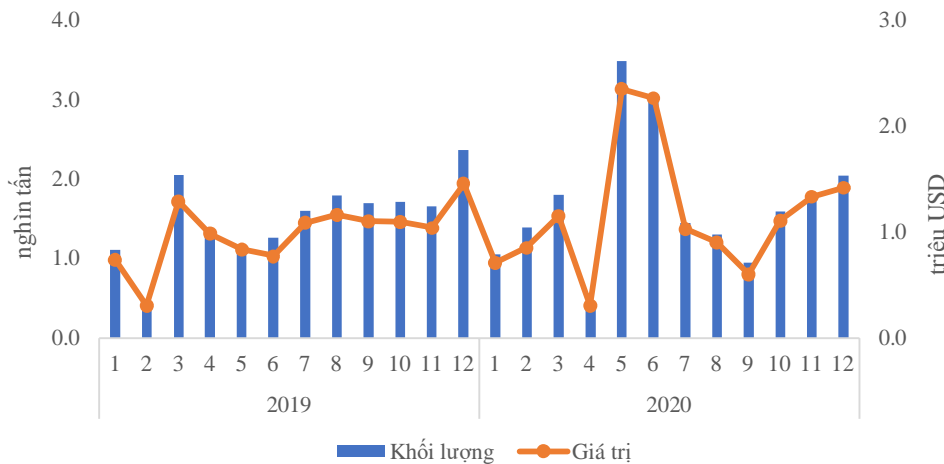
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Dự báo cập nhật tháng 01/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2021 được dự báo sẽ đạt khoảng 7,23 triệu tấn, tăng khoảng 1,35 triệu tấn so với năm 2020. Nguyên nhân chính là do diện tích sản xuất tăng.

Xuất khẩu gạo của Việt Nam tháng 12/2020 đạt 2,0 nghìn tấn gạo, trị giá 1,4 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 13,9% về khối lượng và 6,4% về giá trị so với tháng 11/2020, nhưng giảm 13,7% về khối lượng và 2,7% về giá trị so với cùng kỳ 2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong năm 2020 đạt 20,2 nghìn tấn, trị giá 13,9 triệu USD, tăng 10,9% về khối lượng và 17,6% về giá trị so với cùng kỳ 2019 (Tổng cục Hải quan VN).

Hình 1. Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ

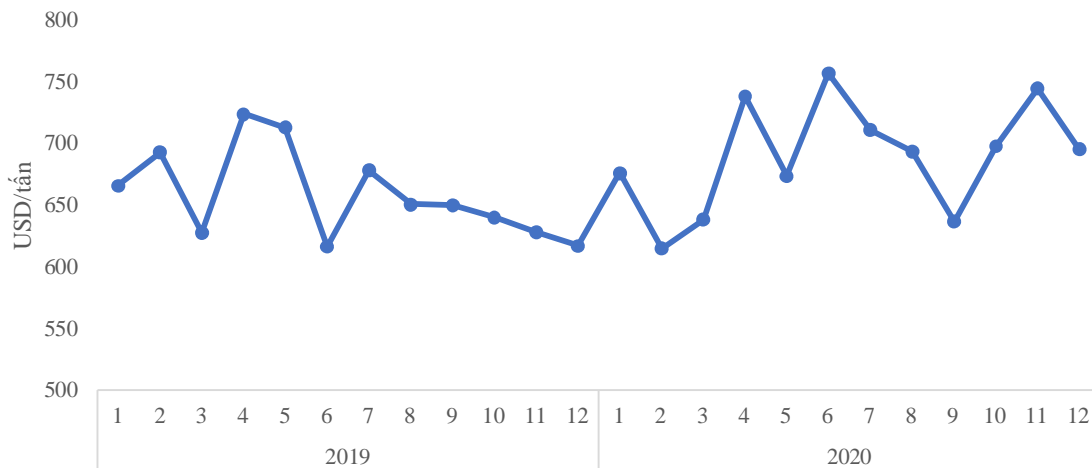


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2020, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,3 nghìn tấn, trị giá 1,0 triệu USD (chiếm 62,7% về khối lượng và 70,8% về giá trị); so với tháng 12/2019, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã giảm 26,2% về khối lượng và 13,9% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo trắng đạt 0,7 nghìn tấn, trị giá 366,0 nghìn USD (chiếm 34,3% về khối lượng và 25,8% về giá trị); so với tháng 12/2019, xuất khẩu gạo trắng sang Hoa Kỳ đã tăng 18,5% về khối lượng và 39,2% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2020 đạt 695,5 USD/tấn, giảm 6,6% so với tháng 11/2020, nhưng tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2019.

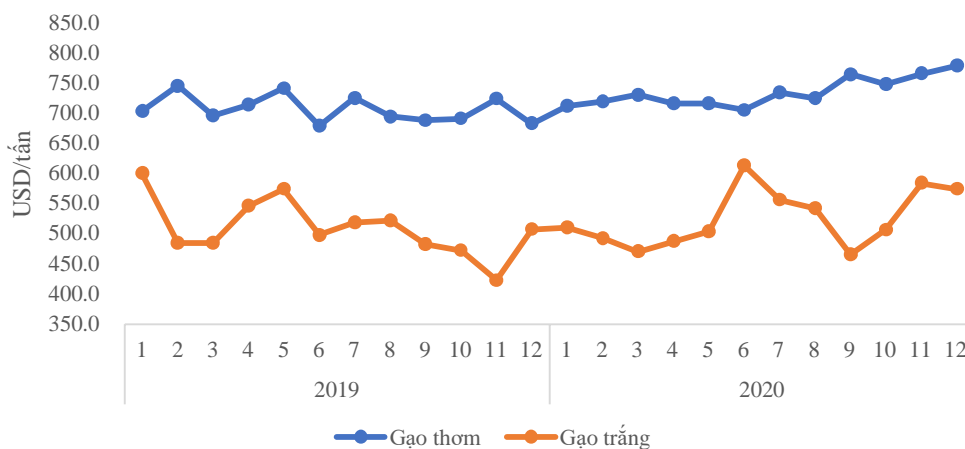
Hình 2. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ có xu hướng tăng giảm trái chiều trong tháng. Cụ thể, giá xuất khẩu gạo thơm tháng 12/2020 đạt trung bình 779,6 USD/tấn, tăng 1,7% so với tháng 11/2020 và 14,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Còn giá gạo trắng đạt 574,6 USD/tấn, giảm 1,7% so với tháng trước nhưng tăng 13,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3. Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

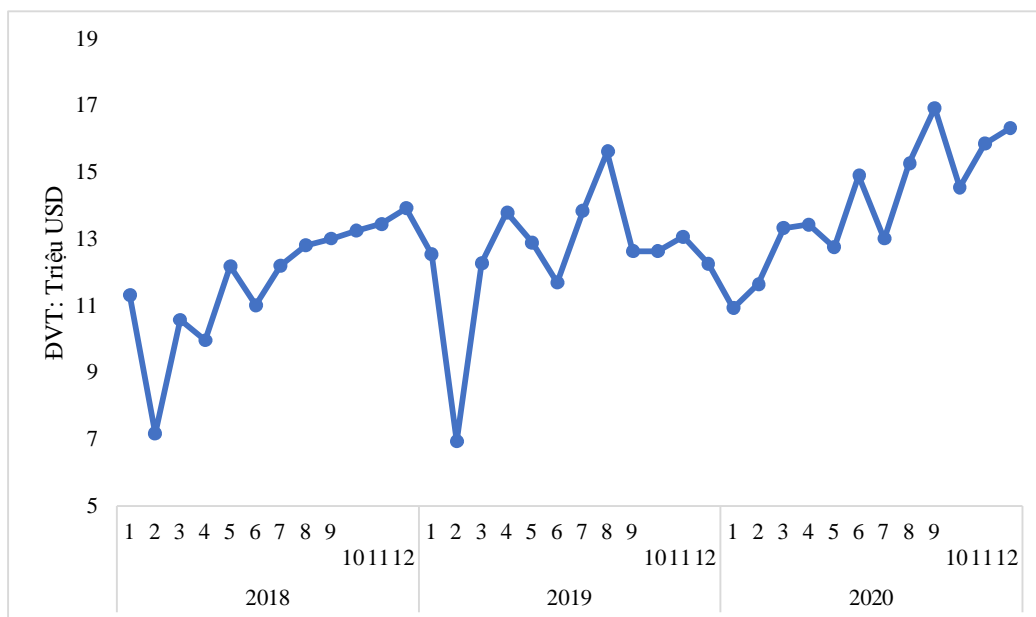
Trong tháng 12/2020, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Công ty CP Phước Đạt, Công ty CP Soharice, và Chi nhánh Long An - Công ty TNHH

Highland Dragon. Ba công ty này chiếm lần lượt 40,8%, 14,1% và 10,6% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 12/2020.

2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12 năm 2020 đạt 16,3 triệu USD, chiếm 5,9% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 2,9% so với tháng trước (đạt 15,9 triệu USD) và tăng 33,1% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 12,3 triệu USD). Tính chung năm 2020, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hoa Kỳ đạt 168,8 triệu USD, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 150 triệu USD).

Hình 4. Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

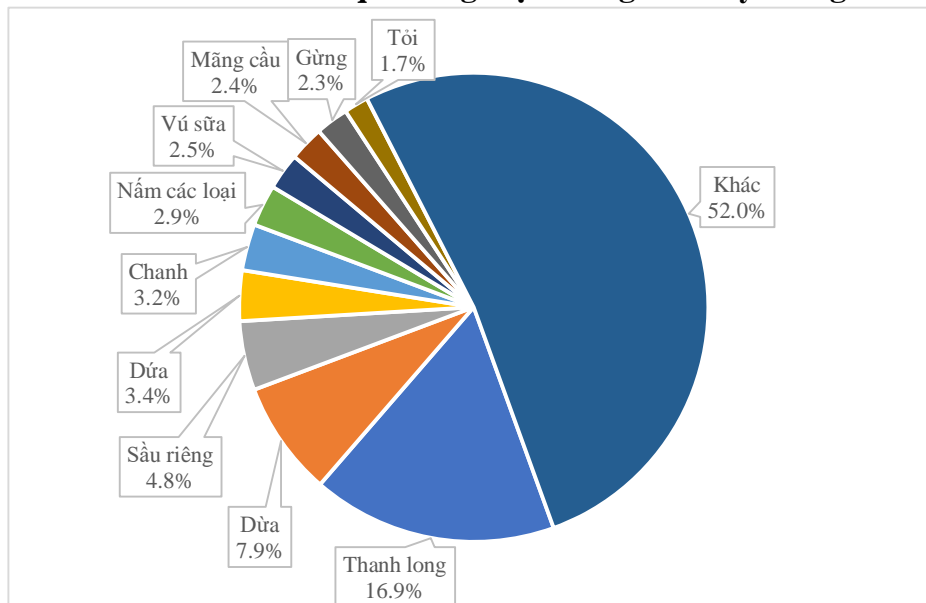


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 12 năm 2020, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 9,6 triệu USD (chiếm 58,7% thị phần, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2019) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 6,7 triệu USD (chiếm 41,3% thị phần, tăng 49,1%), trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 2 triệu USD (tăng 38,8% so với cùng kỳ năm trước); (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 1,9 triệu USD (tăng 68,9%); (iii) trái cây ngâm, cô đặc, mút, dẻo (mã HS.2007) đạt 1,3 triệu USD (cao gấp 25 lần); (iv) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 672 nghìn USD (giảm 15,7%); ...

Trong tháng 12 năm 2020, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm thanh long đạt 2,8 triệu USD (chiếm 16,9% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 22,1% so với cùng kỳ năm 2019); dưa đạt 1,3 triệu USD (chiếm 7,9%, tăng 26,5%); sấu riêng đạt 784,1 nghìn USD (chiếm 4,8%, cao gấp 62 lần); dứa đạt 563,1 nghìn USD (chiếm 3,4%, tăng 214,3%); chanh đạt 528,4 triệu USD (chiếm 3,2%, tăng 51,5%), ...

Hình 5. Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12 năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 12 năm 2020 đạt 43,4 triệu USD, chiếm 28,5% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 41,7 triệu USD). Tính chung năm 2020, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hoa Kỳ đạt 310,2 triệu USD, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 303,4 triệu USD). Trong tháng 12/2020, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là táo đạt 11,7 triệu USD (chiếm 27,7%, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm 2019); hạnh nhân đạt 10,6 triệu USD (chiếm 25%, tăng 195,2%); nho đạt 5,9 triệu USD (chiếm 13,9%, giảm 47,5%); khoai tây đạt 2 triệu USD (chiếm 4,%, giảm 8,1%); ...

Trong tháng 12/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II, Công ty CP rau quả thực phẩm An Giang và Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hoa Mai với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 21,9%; 4,9% và 3,7%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II tăng 380,9%, Công ty CP rau quả thực phẩm An Giang tăng 80,2% và Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hoa Mai tăng 6,6%.

Hoa Kỳ đã chấp thuận một loại thuốc trừ sâu chống bệnh xanh lá trên trái cây có múi đã bị cấm ở EU từ năm 2003 do sự nguy hiểm của nó đối với sức khỏe và độc tính sinh thái của nó để ngăn chặn sự lây lan của loại vi khuẩn vàng lá gân xanh (HLB) trên cây có múi ở Florida. Sản phẩm được phê duyệt là thuốc trừ sâu aldicarb và nematic (thuốc được biết đến với tên thương hiệu Temilk®). Dòng thuốc này đã từng được sử dụng ở EU trong một vài năm để tiêu diệt rệp, ve nhện và ruồi trắng.

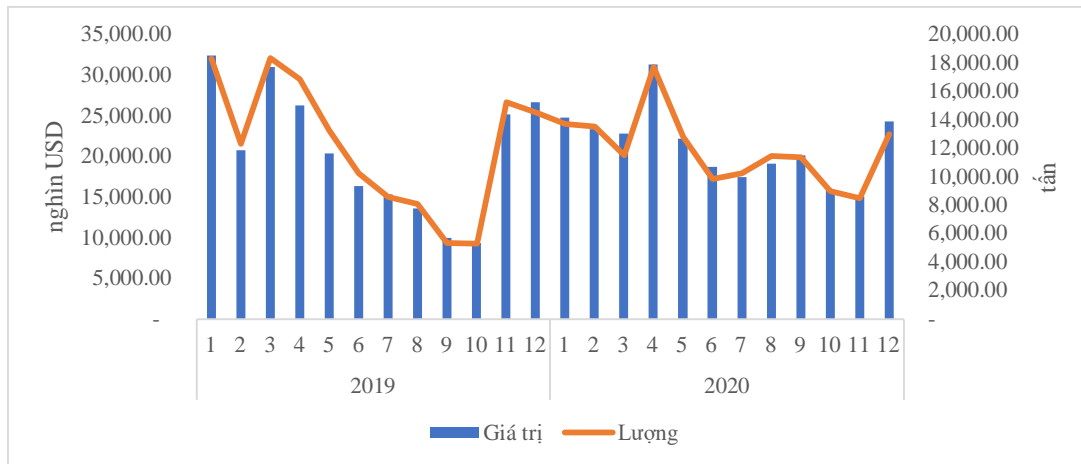
Tại Hoa Kỳ, sau khi giảm đáng kể, giá bơ đã tăng lên và có thể tiếp tục tăng. Hiện tại, Mexico là đối thủ duy nhất trong thị trường vận chuyển bơ, vì Peru, Chile và California đã kết thúc mùa vụ. California dự kiến sẽ vận chuyển bơ ra thị trường trở lại vào tháng tư.

Theo dự báo, tình trạng xâm nhập mặn tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long năm nay sẽ đến sớm và ảnh hưởng nhiều hơn đến sản xuất nông nghiệp, trong đó có việc trồng bưởi. Bưởi da xanh hiện là một trong những loại trái cây xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Dự kiến trong quý I/2021, Hoa Kỳ sẽ hoàn tất thủ tục cho phép Việt Nam xuất khẩu bưởi da xanh vào thị trường này. Tuy nhiên, tình trạng xâm nhập mặn sẽ ảnh hưởng mạnh đến chất lượng trái bưởi. Từ đó, không đủ sản lượng bưởi đạt tiêu chuẩn cho các đơn hàng xuất khẩu (do điều kiện thời tiết, độ ngọt (độ Brix) của bưởi bình thường khoảng 10% nhưng hiện nay, độ ngọt chỉ còn khoảng 6%, trái bưởi ăn có vị chua nhiều hơn trước. Kèm theo đó là trái bưởi bị xấu mã, nhỏ trái...)

3. CÀ PHÊ

Sau khi chạm đáy vào tháng 11/2020, xuất khẩu cà phê sang thị trường Hoa Kỳ có nhiều khởi sắc vào tháng 12/2020. Trong tháng 12/2020, Việt Nam xuất khẩu 12,9 nghìn tấn cà phê sang Hoa Kỳ, giá trị 24,3 triệu USD, giảm 10,7% về khối lượng và giảm 8,99% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. So với tháng 11/2020, xuất khẩu đã tăng 53% về khối lượng và tăng 60% về giá trị. Tính chung cả năm 2020, xuất khẩu cà phê sang thị trường này đạt 142 nghìn tấn và đạt 255 triệu USD, giảm tăng 2,53% về khối lượng nhưng giảm 3,08% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

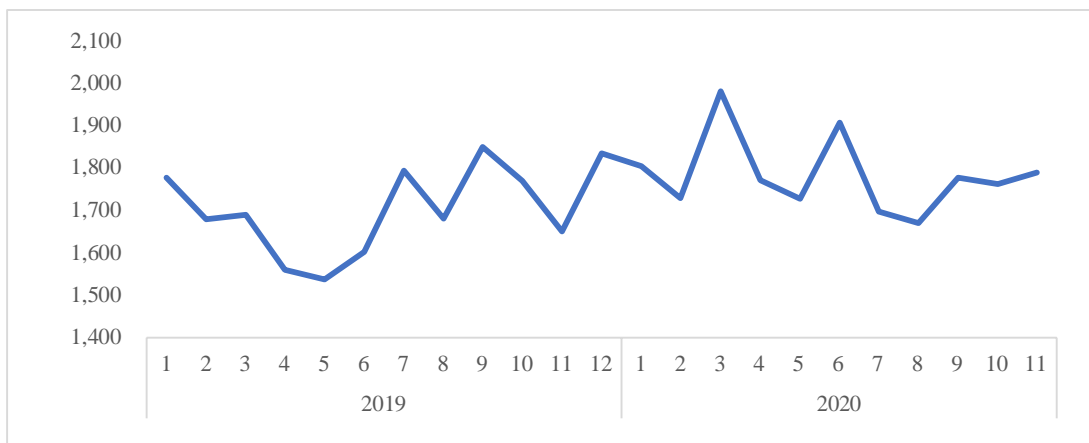
Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ là 1.869 USD/tấn, tăng 4,46% so với tháng 11/2020 và tăng 1,9% so với tháng 12/2019. Tính năm 2020, giá cà phê xuất khẩu tại Hoa Kỳ tăng 6% so với cùng kỳ năm 2019, mức giá bình quân đạt 1.790 USD/tấn. Giá cà phê tăng một phần do chi phí tăng cao trong thời gian qua. Chi phí vận tải đường biển bằng container trên toàn cầu đang tăng lên mức kỷ lục do nhu cầu đột biến các tuyến đi Hoa Kỳ, tình trạng thiếu container rỗng cũng xuất hiện và sự thay đổi tuyến đường vận chuyển, trong khi vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không vẫn chưa được khai thông do dịch Covid-19. Dự báo giá cà phê sẽ tiếp tục xu hướng tăng khi nhu cầu tiêu dùng tại nhà vẫn còn rất lớn và có thể còn kéo dài trong thời gian tới.

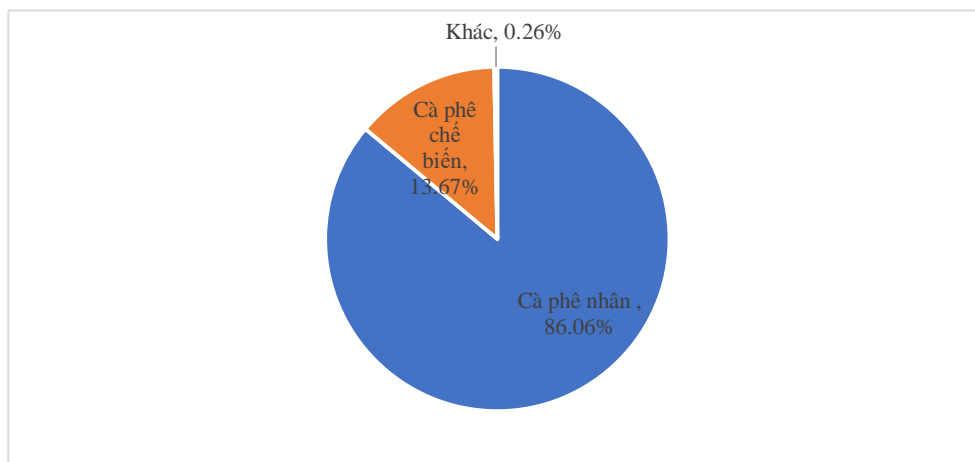
Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân thô chưa rang, chưa khử cafein (mã HS 090111) tháng 12/2020 chiếm tỷ trọng 80,7%, giá trị 19 triệu USD, tăng 72% về giá trị so với tháng trước nhưng giảm 8,5% so với cùng kỳ tháng 12/2019. Cà phê chưa rang, đã khử cafein (mã HS 090112) giảm 9,4% trong tháng 12/2020 so với tháng 11/2020 xuống mức 925 nghìn USD, và giảm 62% so với cùng kỳ. Trong khi đó, cà phê đã rang, chưa khử cafein (mã HS 090121) tăng 0,87% đạt 359 nghìn USD, giảm 42% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 8. Cơ cấu sản phẩm, cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ tháng 12/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

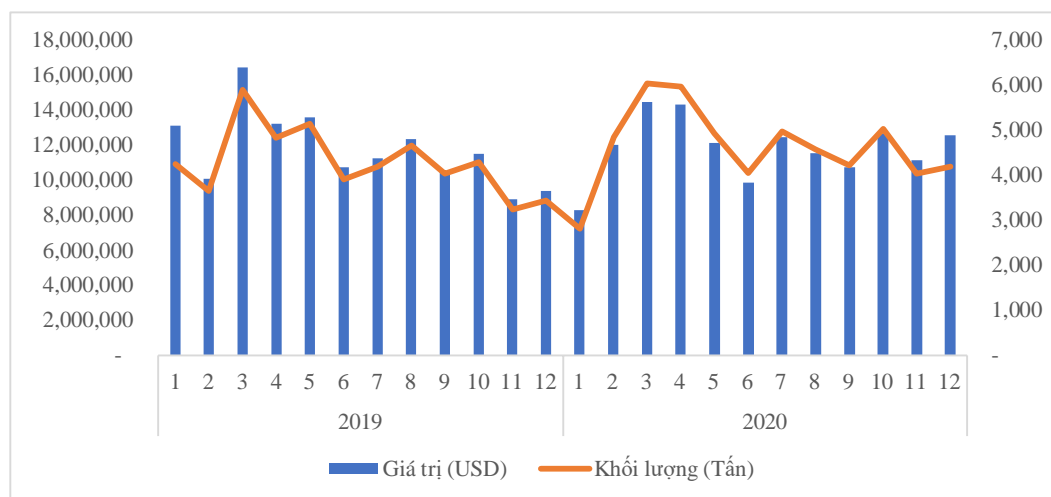
Bên cạnh đó, xuất khẩu cà phê hòa tan và tinh chất sang thị trường Hoa Kỳ tiếp tục đà tăng từ năm 2019. Tháng 12/2020, cà phê hòa tan, tinh chất cà phê (mã HS 2101) đạt giá trị 3,3 triệu USD, tăng 38% so với tháng 11/2020, đồng thời tăng 52% giá trị so với cùng kỳ tháng 12/2019. Đây là tín hiệu đáng mừng khi cà phê của Việt Nam tăng cường xuất khẩu các sản phẩm chế biến sâu, nhằm nâng cao giá trị gia tăng, tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Trong tháng 12/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hoa Kỳ là: Công ty TNHH thương mại và chế biến Louis Dreyfus, Công ty CP TM cà phê Quang Minh và Công ty TNHH sản xuất và thương mại Cát Quế với thị phần lần lượt là: 12,26%; 9,785% và 9,29%.

4. HỒ TIÊU

Trong tháng 12, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ tăng cả về lượng và giá trị so với tháng 11 trước đó. Cụ thể, xuất khẩu đạt 4.190 tấn tương đương với 12.572.103 USD, tăng 152 tấn (3,76%) về lượng và 1.429.258 (15,19%) về giá trị so với tháng 11 năm 2020. So với cùng kỳ năm ngoái thì xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ vẫn tiếp tục có sự tăng trưởng vượt bậc, tăng 18,45% về lượng và 33,69% về giá trị.

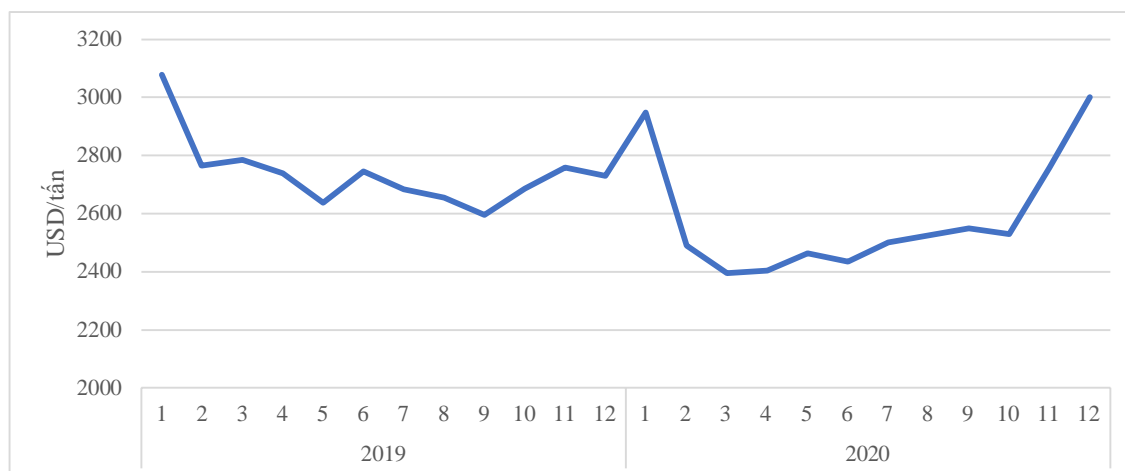
Hình 9. Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ, 2019-2020



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Giá xuất khẩu hồ tiêu sang Hoa Kỳ bình quân tháng 12 năm 2020 ở mức 3000USD/tấn, tăng 8,73% so với tháng 11 năm 2020 và tăng 9,92% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, xét tổng thể cả năm 2020, do bị tác động của giá hạt tiêu toàn cầu giảm mạnh trước đó nên giá tiêu xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ chỉ đạt mức bình quân 2.636USD/tấn, tăng 3.54% so với năm 2019.

Hình 10. Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

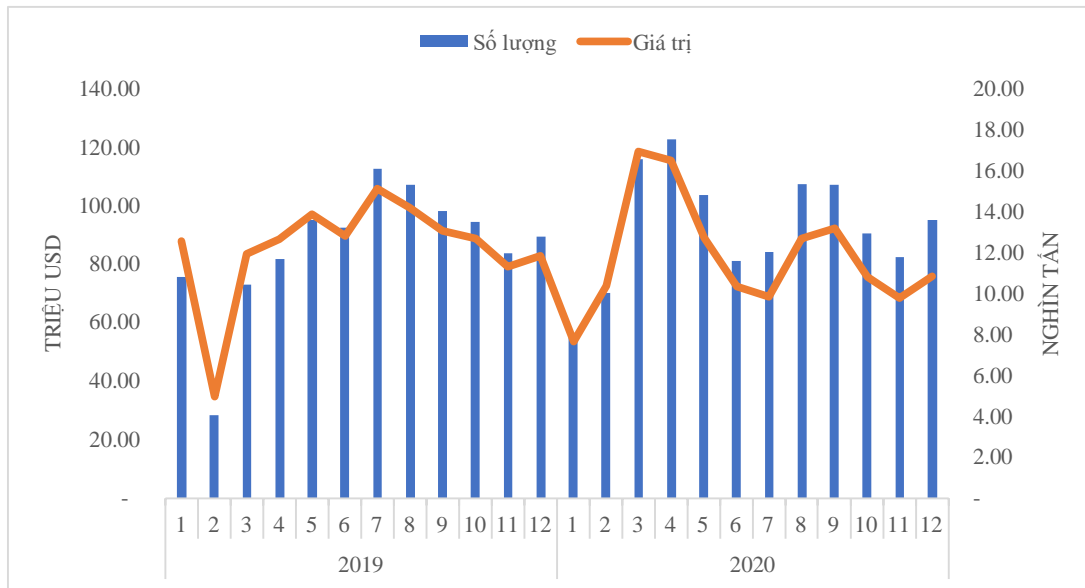
Trong năm 2020, Hoa Kỳ nhập khẩu xấp xỉ 55 triệu USD hồ tiêu (bao gồm cả tiêu đen và tiêu trắng), thay đổi 11,4% so với năm 2019. Trong số hơn 1.260 phân loại hàng hóa nhập khẩu, hồ tiêu đứng thứ 412 về giá trị nhập khẩu. Hoa Kỳ tăng nhập khẩu hạt tiêu từ một số thị trường như Ấn Độ, Mexico, Tây Ban Nha song Việt Nam vẫn là nước xuất khẩu tiêu nhiều nhất sang Hoa Kỳ, chiếm thị phần trung bình 25,2% trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ, tổng giá trị trong năm 2020 tăng 13,1% so với năm 2019. Ba nước xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất vào Hoa Kỳ vẫn là Việt Nam (xấp xỉ 163,3 triệu USD), Ấn Độ (xấp xỉ 109,7 triệu USD) và Mexico (xấp xỉ 82,4 triệu USD).

5. HẠT ĐIỀU

Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, nhập khẩu hạt điều của nước này trong 10 tháng năm 2020 đạt 139,73 nghìn tấn, trị giá 918 triệu USD, tăng 7,3% về lượng, nhưng giảm 8,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hoa Kỳ trong 10 tháng năm 2020 đạt mức 6.570 USD/ tấn, giảm 14,7% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt điều của Hoa Kỳ giảm ở tất cả các nguồn cung. Mức giảm thấp nhất là 3,0% từ Thái Lan, xuống còn 10.488 USD/tấn; mức giảm cao nhất là 27,4% từ Bờ Biển Ngà, xuống còn 6.108 USD/tấn. Trong 10 tháng năm 2020, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam, nhưng giảm nhập khẩu từ một số thị trường chính khác như: Bra-xin, In-đônê-xi-a, Ấn Độ, Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Mô-dămbích.

Xuất khẩu điều của Việt Nam tháng 12/2020 sang thị trường Hoa Kỳ đạt 13,61 nghìn tấn, trị giá 75,98 triệu USD, tăng 15,62% về khối lượng và 11,21% về giá trị so với tháng 11/2020, và tăng 6,57% về khối lượng và giảm 8,53% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong năm 2020 đạt 159,49 nghìn tấn và 992,02 triệu USD, tăng 8,08% về khối lượng và giảm 3,65% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019 (Tổng cục Hải quan).

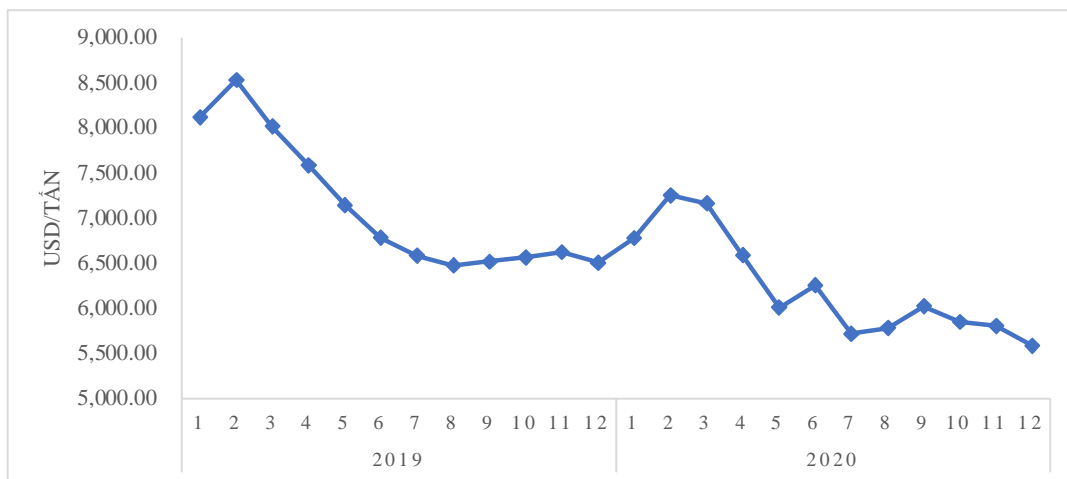
Hình 11. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường Trung có xu hướng giảm trong tháng 12/2020 đạt 5.584,50 USD/tấn, giảm 3,82% so với tháng 11/2020, và giảm 14,17% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 12. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Theo kế hoạch xuất khẩu năm 2021 của Bộ NNPTNT, tổng kim ngạch xuất khẩu điều phần đầu đạt 3,6 tỷ USD, tăng 12,9% so với năm 2020 trong đó chú trọng nâng cao chất lượng hướng đến các thị trường lớn trong đó có Hoa Kỳ. Để thực hiện được mục

tiêu trên, các nhà xuất khẩu cần tiếp tục kiên trì thực hiện mục tiêu “giữ lượng, tăng chất, tăng giá” trong sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu điều.

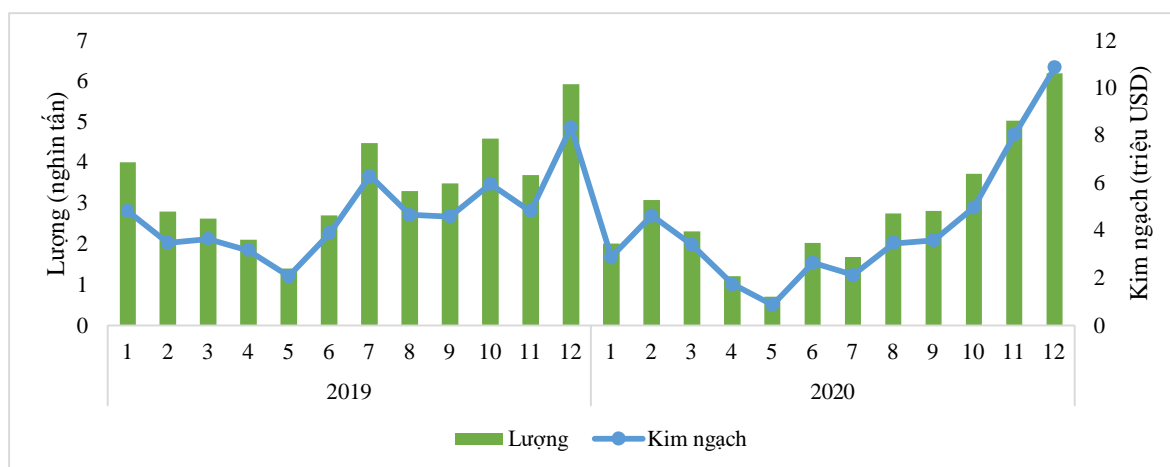
6. CAO SU

Theo số liệu thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 10 tháng năm 2020, Hoa Kỳ nhập khẩu 1,33 triệu tấn cao su (mã HS: 4001, 4002, 4003, 4005), trị giá 2,32 tỷ USD, giảm 19,7% về lượng và giảm 25,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, Indonesia, Thái Lan, Canada, Hàn Quốc và Đức là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Hoa Kỳ.

Về cơ cấu mặt hàng, nhập khẩu cao su tự nhiên (mã HS 4001) của Hoa Kỳ đạt 664.190 tấn, trị giá 978,7 triệu USD, giảm 21,3% về lượng và giảm 23,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Indonesia, Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Liberia và Việt Nam là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su tự nhiên cho Hoa Kỳ trong 10 tháng năm 2020.

Xuất khẩu cao su của Việt Nam tháng 12/2020 sang Hoa Kỳ đạt 5,8 nghìn tấn với trị giá 10,2 triệu USD, tăng 5,0% về khối lượng và 30,5% về giá trị so với cùng kỳ 2019. Lũy kế cao su xuất khẩu sang thị trường này năm 2020 ước đạt 29,7 nghìn tấn, trị giá 43,3 triệu USD, giảm 16,9% về khối lượng và 9,3% về giá trị so với cùng kỳ 2019 (TCHQ).

Hình 13. Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên (mã HS 4001) sang thị trường Hoa Kỳ

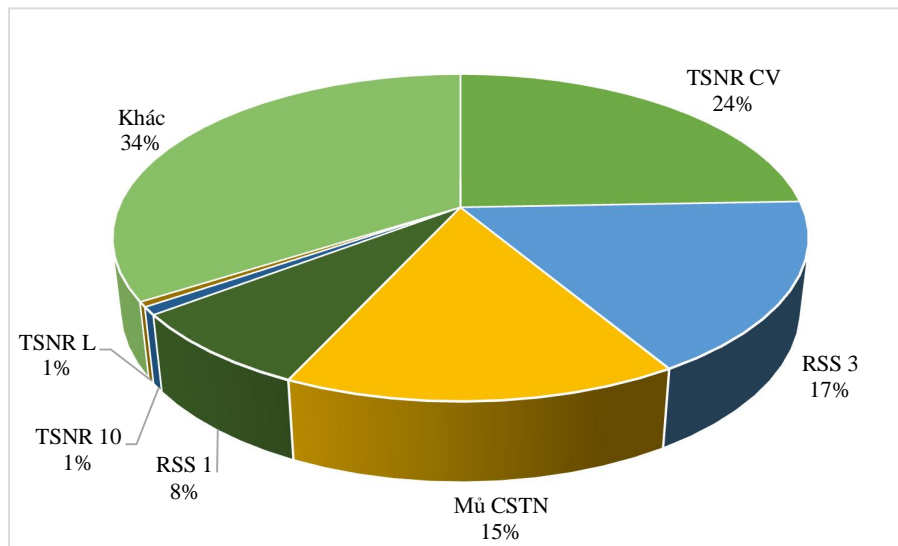


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Năm 2020, cao su đã định chuẩn về kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 12,0 triệu

USD, chiếm 24,4% tổng giá trị xuất khẩu và tăng 17,2% so với năm 2019. Đứng thứ hai là tấm cao su xông khói RSS 3 với kim ngạch 8,4 triệu USD, chiếm 17,0% tổng giá trị xuất khẩu và giảm 24,0% so với năm 2019. Tiếp theo là mũ cao su tự nhiên và tấm cao su xông khói RSS 1, chiếm lần lượt 15,4% và 7,8% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

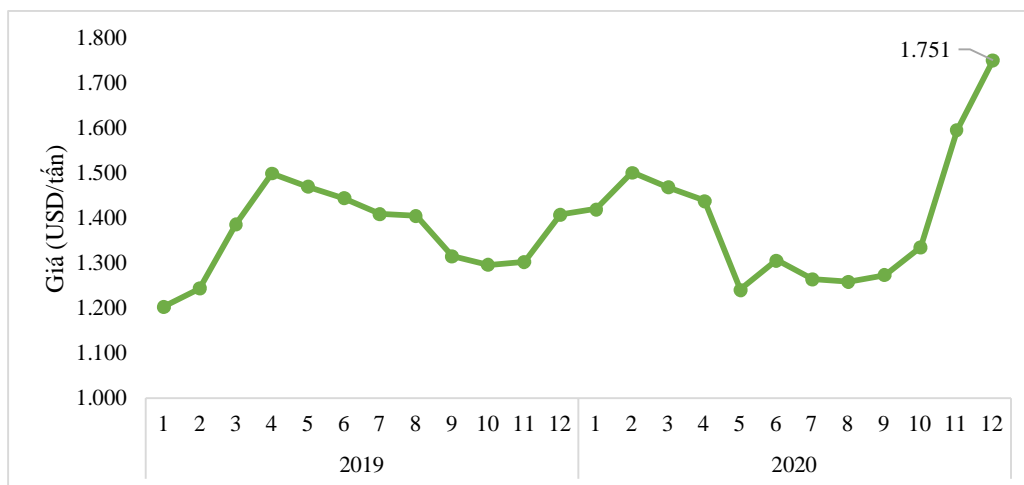
Hình 14. Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ có xu hướng tăng mạnh vào thời điểm cuối năm đạt mức 1.751 USD/tấn trong tháng 12/2020 tăng 9,7% so với tháng trước và 24,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 15. Giá cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

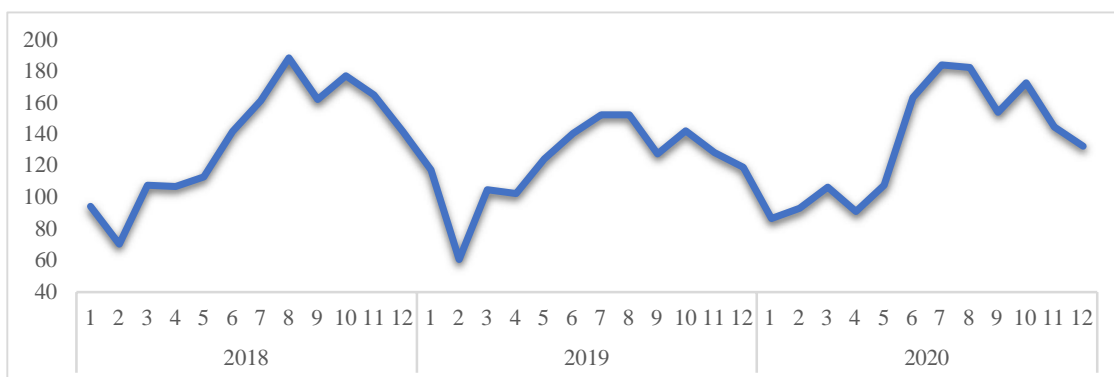
7. THỦY SẢN

Theo Viện Nghiên cứu quốc tế khí hậu và xã hội Hoa Kỳ (IRI), doanh thu bán lẻ hải sản tươi sống của nước này tháng 11/2020 tăng 25,3% so với tháng 11/2019, lên 447 triệu USD; doanh thu thủy sản đông lạnh tháng 11/2020 cũng tăng gần 29%, lên 468 triệu USD, khối lượng cũng tăng 24,2%. Theo số liệu thống kê của NMFS, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ tháng 11/2020 đạt 246 nghìn tấn, trị giá 1,8 tỷ USD, tăng 5,1% về lượng, tương đương về trị giá so với tháng 11/2019. Tính chung 11 tháng năm 2020, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ đạt 2,688 triệu tấn, trị giá 19,93 tỷ USD, tăng 3,4% về lượng, nhưng giảm 2,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Tháng 11 và 11 tháng năm 2020, Ca-na-đa, Ấn Độ, Chilê, In-đô-nê-xi-a, Trung Quốc và Việt Nam là những thị trường cung cấp thủy sản lớn nhất cho Hoa Kỳ.

Theo Cơ quan Quản lý Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA), tháng 11/2020 nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ đạt 67.448 tấn, trị giá 613,4 triệu USD, giảm khoảng 100 tấn so với lượng nhập khẩu trong tháng 11/2019, nhưng tăng gần 1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019; Giá nhập khẩu tôm trung bình ở mức 9,1 USD/ kg, tăng 3,3% so với tháng 10/2020 và tăng 1% so với tháng 11/2019. Tháng 11/2020, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ từ thị trường Ấn Độ giảm mạnh và tăng mạnh tại thị trường Việt Nam, In-đô-nê-xi-a và Ê-cu-a-do.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 12/2020 sang Hoa Kỳ đạt 132,73 triệu USD, tăng 10,98% so với tháng 12/2019, đưa giá trị xuất khẩu năm 2020 sang Hoa Kỳ đạt 1,62 tỷ USD, tăng 9,91% so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường Hoa Kỳ là thị trường lớn duy nhất vẫn giữ được mức độ tăng trưởng tốt. Trong đó, Tôm và cá tra là 2 mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất: tôm chiếm 47,12%; cá tra chiếm 19,88% (TCHQ).

Hình 16. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Mỹ



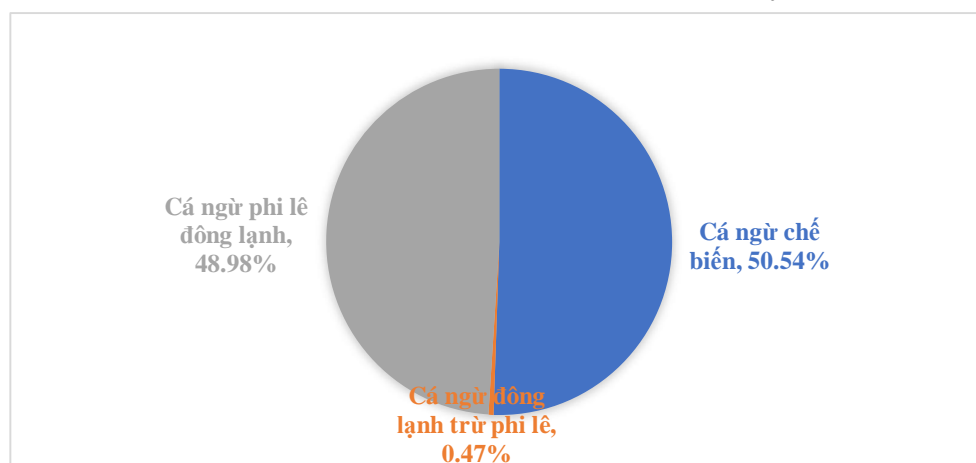
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 12/2020 đạt 62,55 triệu USD tăng 20,42% so với cùng kỳ năm 2019, đưa giá trị xuất khẩu tôm năm 2020 sang thị trường này đạt 832,79 triệu USD, tăng 22,76%. Tôm thẻ chân trắng là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất ở thị trường này. Cụ thể, tính riêng tháng 12/2020, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 55,24 triệu USD, chiếm 88,32% tổng giá trị tôm xuất khẩu, tăng 22,19% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu tôm sú đạt 5,96 triệu USD, chiếm 9,54%, tăng 13,30%; giá trị xuất khẩu tôm loại khác đạt 1,34 triệu USD, chiếm 2,14%, giảm 8,39% so với cùng kỳ năm 2019.

Mặt hàng cá tra, giá trị xuất khẩu tháng 12 năm 2020 đạt 26,38 triệu USD, giảm 9,78% so với cùng kỳ năm 2019, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu cá năm 2020 sang thị trường này đạt 244,13 triệu USD, giảm 15,16% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 12/2020, giá trị xuất khẩu cá tra sống/tươi/đông lạnh/ khô trừ phi-lê đạt 0,41 triệu USD, tăng 108,48% so với cùng kỳ năm 2019; Cá tra phi-lê đạt 25,91 triệu USD, giảm 10,79%.

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu cá ngừ lớn nhất của Việt Nam, trong năm 2020 giá trị xuất khẩu đạt 279,71 triệu USD, giảm 12,04% so với cùng kỳ năm 2019. Tính riêng tháng 12/2020, giá trị xuất khẩu cá ngừ đạt 19,69 triệu USD, tăng 5,31% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị xuất khẩu cá ngừ phi lê đạt 9,64 triệu USD, giảm 20,53% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu cá ngừ tươi, sống đông lạnh trừ phi lê đạt 0,09 triệu USD, giảm 53,49%; cá ngừ chế biến đạt 9,59 triệu USD, tăng 56,48%.

Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu cá ngừ sang thị trường Mỹ tháng 12/2020

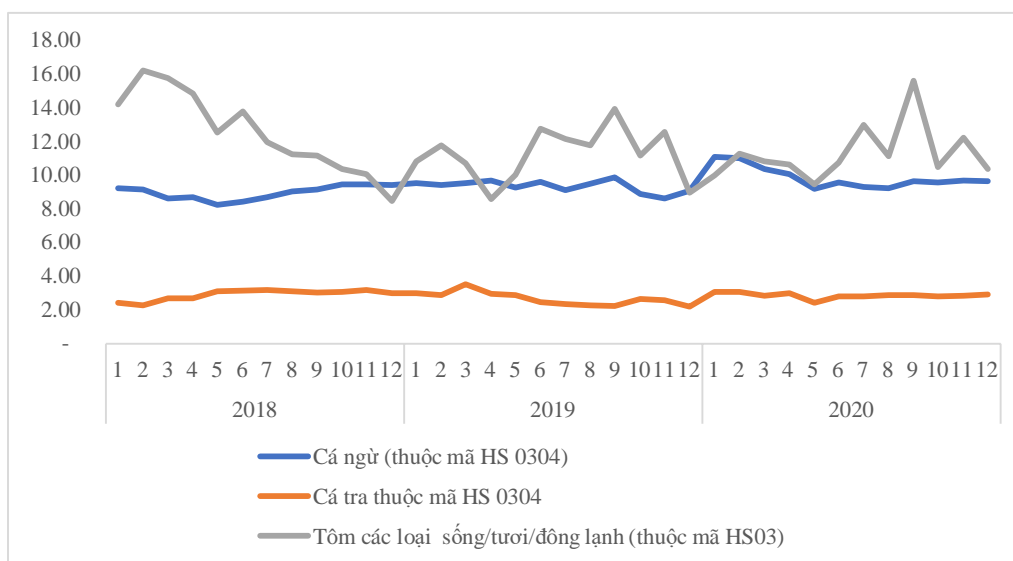


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa kỳ như sau: Mực và bạch tuộc đạt 0,41 triệu USD, giảm 56,11%; Cua – ghẹ đạt 4,20 triệu USD, giảm 6,07%; Các loại thủy sản khác đạt 19,50 triệu USD, tăng 36,34% so với cùng kỳ 2019.

Giá xuất khẩu cá ngừ (thuộc mã HS 0304) tháng 12/2020 đạt trung bình 9,62 USD/kg, tăng 6,29% so với cùng kỳ năm 2019. Giá cá tra (thuộc mã HS 0304) đạt trung bình 2,92 USD/kg, tăng 33,03%; Tôm các loại (thuộc mã HS03) đạt 10,35 USD/kg, tăng 15,72%.

Hình 18. Giá một số mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường Mỹ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

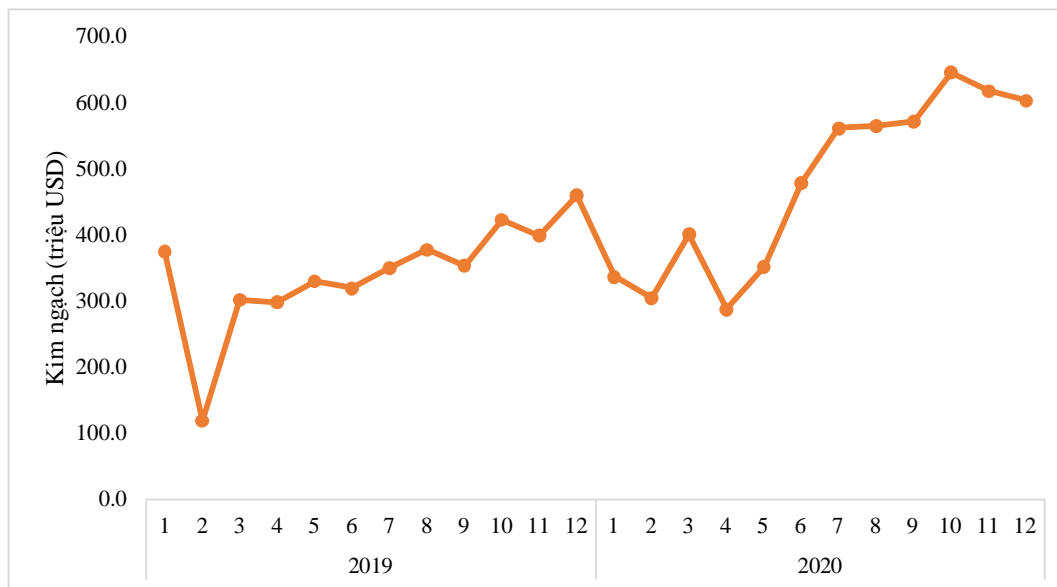
Tháng 12 năm 2020, Top 3 công ty có giá trị xuất khẩu lớn sang thị trường Mỹ là: Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng đạt 18,17 triệu USD, chiếm 13,69% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông đạt 12,48 triệu USD, chiếm 9,40%; Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn đạt 9,53 triệu USD chiếm 7,18%.

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Nhập khẩu đồ gỗ nội thất vượt 2 tỷ USD trong tháng 11/2020, phản ánh thị trường xây dựng nhà ở tại Hoa Kỳ. Theo báo cáo của công ty Smith Leonard, số lượng đơn hàng mới trong tháng 10 đã tăng 40% so với cùng kỳ năm trước. Số lượng các dự án xây dựng nhà ở mới tại Hoa Kỳ đã tăng cao hơn dự báo trong tháng 11/2020 và là mức cao nhất trong 9 tháng qua. Điều này là do nhu cầu nhà ở tăng cao khi lãi suất cho vay được ngân hàng trung ương hỗ trợ ở mức thấp.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ tháng 12/2020 đạt 798,2 triệu USD, tăng 32,8% so với cùng kỳ 2019. Lũy kế xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường này năm 2020 ước đạt 7,2 tỷ USD, tăng 33,8% so với năm 2019 (Tổng cục Hải quan).

Hình 19. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44 và 9403) sang thị trường Hoa Kỳ

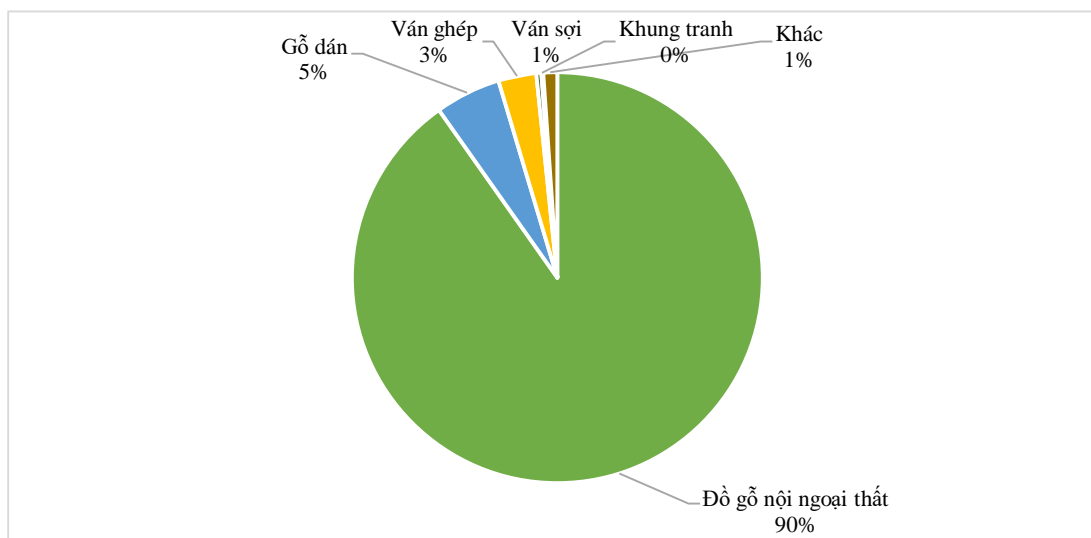


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 và 9403, tháng 12/2020, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 603,6 triệu USD, giảm 2,4% so với tháng trước, nhưng tăng 31,2% so với cùng kỳ 2019. Lũy kế xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường này năm 2020 ước đạt 5,7 tỷ USD, tăng 39,5% so với năm 2019.

Năm 2020, đồ gỗ nội ngoại thất là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44 và 9403) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 5,2 tỷ USD, chiếm 90,2% tổng giá trị xuất khẩu và tăng 41,2% so với năm 2019. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 294,6 triệu USD, chiếm 5,1% tổng giá trị xuất khẩu và tăng 12,5% so với năm 2019. Tiếp theo là ván ghép và ván sợi, chiếm lần lượt 3,0% và 0,4% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

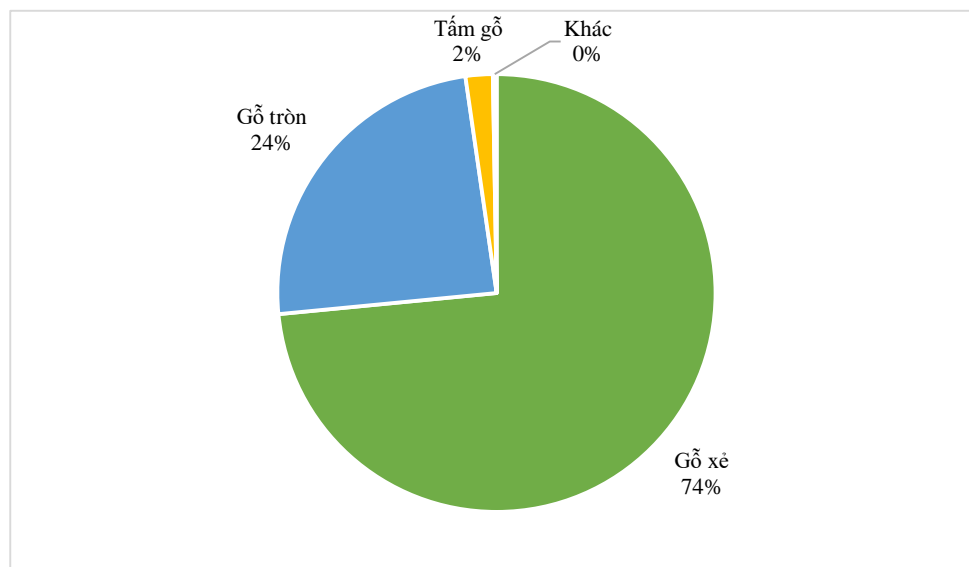
Hình 20. Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44 và 9403) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Năm 2020, gỗ xẻ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44 và 9403) có giá trị nhập khẩu lớn nhất từ thị trường Hoa Kỳ đạt 226,6 triệu USD, chiếm 73,5% tổng giá trị nhập khẩu và tăng 4,1% so với năm 2019. Đứng thứ hai là gỗ tròn với kim ngạch 74,9 triệu USD, chiếm 24,3% tổng giá trị nhập khẩu và tăng 13,3% so với năm 2019.

Hình 21. Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44 và 9403) nhập khẩu từ thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Dự báo cập nhật tháng 01/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hoa Kỳ trong năm 2021 được dự báo sẽ đạt khoảng 7,23 triệu tấn. tăng khoảng 1,35 triệu tấn so với năm 2020 do diện tích sản xuất tăng. Ngoài ra, chính quyền mới của tổng thống Joe Biden dỡ bỏ lệnh cấm đi lại đối với 13 quốc gia đa số theo đạo Hồi và châu Phi, đồng thời ngừng xây dựng bức tường biên giới giữa Mexico và Hoa Kỳ, dịch bệnh Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, dự báo nhu cầu tích trữ của người dân tăng cao trong thời gian tới.

2. Cà phê

Theo dự báo của USDA ra vào tháng 12/2020, tiêu thụ nội địa của Hoa Kỳ niên vụ 2020/2021 vào khoảng 26.587 nghìn bao, tăng 2,14% so với niên vụ 2019/2020, nhập khẩu dự kiến 27.150 nghìn bao, tăng 8,38% so với niên vụ trước. Xuất khẩu cà phê Việt Nam sang Hoa Kỳ trong ngắn hạn sẽ gặp khó khăn khi cước vận tải biển tăng giá chung dự kiến từ ngày 01/3/2021

3. Hồ tiêu

Hoa Kỳ vẫn là thị trường nhập khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam chiếm 25,2%. Tuy nhiên, hiện Hoa Kỳ vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn do làn sóng Covid thứ 3 gây ra và mùa lễ hội hiện đã đi qua nên nhu cầu tiêu thụ hạt tiêu của Hoa Kỳ không thể tăng cao. Dự báo xuất khẩu tiêu sang Hoa Kỳ trong ngắn hạn sẽ trầm lắng. Trong khi đó, thời điểm giáp Tết Nguyên Đán cũng là lúc Việt Nam bước vào vụ thu hoạch nên giá tiêu xuất khẩu nhiều khả năng sẽ giảm xuống trong các tháng tới.

4. Điều

Theo VINACAS, xuất khẩu điều những tháng đầu năm 2021 vẫn tiếp tục gặp khó khăn do dịch Covid và vấn đề vận chuyển mang lại. Chính vì vậy các doanh nghiệp cần chủ động trong các hợp đồng vận chuyển, chủ động chuỗi cung ứng trong sản xuất để có thể nâng cao chất lượng và cung cấp được đủ số lượng hàng cho đối tác khi thị trường sôi động trở lại.

5. Cao su

Do ảnh hưởng của làn sóng COVID-19 thứ hai và các biện pháp ngăn chặn bùng phát được Chính phủ Hoa Kỳ đưa ra, tiêu thụ cao su tự nhiên của Hoa Kỳ được dự đoán sẽ giảm nhẹ trong thời gian tới.

Theo thông tin từ Bộ Công Thương, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã ban hành kết luận điều tra sơ bộ đối với nội dung phá giá trong vụ việc điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với sản phẩm lốp xe ô tô của Việt Nam và một số nền kinh tế khác. Theo đó, trên cơ sở thông tin, dữ liệu từ các doanh nghiệp xuất khẩu, DOC cho rằng các nhà xuất khẩu của Việt Nam không bán phá giá lốp xe ô tô vào Hoa Kỳ. Trong khi đó, các đối tác bị điều tra khác đều bị cho là đã bán phá giá với biên độ phá giá từ 14,24% đến 38,07% đối với Hàn Quốc; 52,42% đến 98,44% đối với Đài Loan (Trung Quốc) và từ 13,25% đến 22,21% đối với Thái Lan.

Việc DOC xác định mức thuế phá giá 0% đối với các doanh nghiệp xuất khẩu lớn tạo điều kiện thuận lợi để sản phẩm này của Việt Nam tiếp tục xuất khẩu vào Hoa Kỳ, nhất là trong bối cảnh ngành sản xuất trong nước đang chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các sản phẩm của Trung Quốc, Thái Lan. Hơn nữa, điều này cũng mang lại lợi ích đáng kể cho ngành ngành cao su và nông dân trồng cao su của Việt Nam khi một số lượng lớn cao su khai thác tại Việt Nam được sử dụng để làm sản phẩm lốp xe.

6. Thủy sản

Việt Nam đang có nhiều lợi thế trong xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ do sản xuất trong nước không bị tác động nhiều bởi dịch Covid-19 mang lại. Chính vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu tận dụng cơ hội mở rộng thị trường thông qua việc đẩy mạnh khả năng cung ứng để bù đắp sản lượng thiếu hụt do các quốc gia cung ứng khác đang chịu tác động tiêu cực do dịch Covid ảnh hưởng đến sản xuất và chuỗi cung ứng xuất khẩu. Nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu, tận dụng lợi thế thuế quan cho xuất xứ thuần Việt Nam của sản phẩm thủy sản.

7. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Ngày 28/12/2020, Văn phòng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) đã tổ chức một phiên điều trần trực tuyến theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại Hoa Kỳ về việc sử dụng gỗ được cho là khai thác hoặc buôn bán bất hợp pháp của Việt Nam. Theo đó, các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ cần tích cực theo sát diễn biến phiên điều trần, đồng thời, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu nhập khẩu từ phía đối tác.

Ngoài ra, trước diễn biến phức tạp của làn sóng thứ hai COVID-19, chính phủ Hoa Kỳ sẽ tiếp tục có các ưu đãi hỗ trợ về lãi suất, thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm đồ gỗ trong nước. Do đó, nhập khẩu gỗ và đồ gỗ của Hoa Kỳ có thể sẽ tăng trong những tháng tới.

PHỤ LỤC

Bảng 1. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 12/2020

STT	Sản phẩm	Tháng 12/ 2020 (USD)	Tăng /giảm so T11/2020	Tăng /giảm so T12/2019	Tỷ trọng
1	Cà phê	24.260.351	60,27%	-8,99%	2.13%
2	Cao su	10.160.120	39,75%	30,50%	0.89%
3	Chè	980.170	148,25%	57,22%	0.09%
4	Gạo	1.420.866	6,44%	-2,73%	0.12%
5	Gỗ và SP gỗ	798.192.265	0,48%	33,05%	69.92%
6	Rau quả	16.324.121	2,91%	33,10%	1.43%
7	Thủy sản	132.728.883	-8,44%	10,98%	11.63%
8	Hạt điều	75.977.064	11,21%	-8,53%	6.66%
9	Hạt tiêu	12.572.103	12,83%	33,69%	1.10%
10	Mây tre đan	26.084.676	14,44%	60,44%	2.29%
11	SP từ cao su	30.091.916	8,54%	56,15%	2.64%
12	TĂGS và nguyên liệu	12.527.747	19,09%	68,93%	1.10%
13	Thịt và SP thịt	179.464	-56,65%	25,40%	0.02%
Tổng XK NLTS		1.141.499.746	1.89%	26,29%	100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 12/2020

T	Loại sản phẩm	Tháng 11/2019		Tháng 11/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	1.736	1.168.709	1.282	1.006.465	-26,2%	-13,9%
2	Gạo trắng	591	262.984	700	365.966	18,5%	39,2%
3	Gạo Japonica	38	27.666	57	44.701	49,0%	61,6%
4	Các loại gạo khác	2	1.350	5	3.733	104,4%	176,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 12/2020

Loại sản phẩm	Tháng 12/2019 (USD)	Tháng 12/2020 (USD)	So sánh 2020/19 (%)
Chưa rang, chưa khử caffein	21.408.689	19.594.572	-8,47%
Chưa rang, đã khử caffein	2.406.556	925.037	-61,56%
Đã rang, chưa khử caffein	628.761	359.576	-42,81%
Đã rang, đã khử caffein	35.241	1.606	-95,44%
Chiết xuất, tinh chất và cô đặc	1.299.072	2.191.305	68,68%
Chế phẩm có TP chiết xuất, tinh chất hoặc cô đặc	878.871	1.126.029	28,12%
Tổng	26.657.191.000	24.198.123.742	-9,22%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 12/2020

Loại sản phẩm	Tháng 12/2019 (USD)	Tháng 12/2020 (USD)	So sánh 2020/19 (%)
Cá ngừ	119.593.870,00	132.728.883,00	10,98%
Cá tra	18.695.064,78	19.687.667,00	5,31%
Cua - ghẹ	29.241.619,29	26.380.396,15	-9,78%
Mực và bạch tuộc	4.471.388,38	4.199.896,92	-6,07%
Tôm sú	945.166,76	414.808,63	-56,11%
Tôm thẻ chân trắng	5.264.132,40	5.964.034,88	13,30%
Tôm loại khác	45.210.945,81	55.241.767,01	22,19%
Thủy sản khác	1.462.449,51	1.339.747,68	-8,39%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng rau quả sang Hoa Kỳ tháng 12/2020

TT	Sản phẩm	Tháng 12/2019	Tháng 12/2020	So sánh
		(USD)	(USD)	T12.2020/T12.2019
	Tổng GTXK	12.264.870	16.324.121	33,1%
1	Thanh long	3.547.393	2.764.720	-22,1%
2	Dừa	1.020.172	1.290.669	26,5%
3	Sầu riêng	12.455	781.360	6173,5%
4	Dứa	179.184	563.146	214,3%
5	Chanh	348.760	528.397	51,5%
6	Nấm các loại	721.149	465.935	-35,4%
7	Vú sữa	374.746	408.842	9,1%
8	Mãng cầu	376.846	395.271	4,9%
9	Gừng	31.296	367.739	1075,0%
10	Tỏi	175.119	274.367	56,7%
11	Khác	5.477.749	8.483.676	54,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan